

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 79/2025/DS-ST
Ngày 16-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Dũng;
- Ông Lê Hoàng Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Tăng Phan Nhật Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1975 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số A L, Khóm C, Phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là Số A L, Khóm B, phường T, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bị đơn: Bà Lâm Thị Thanh L, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A L, Khóm D, Phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là Số A L, Khóm A, phường T, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Tuyết V nguyên đơn trình bày: Bà Lâm Thị Thanh L có vay tiền bà Nguyễn Thị Tuyết V khoảng 03 - 04 lần. Mỗi lần vay xong bà L có trả và vay lại. Thời gian cụ thể và số tiền cụ thể của từng lần vay bà V không nhớ do các biên nhận cho vay trước sau khi bà L trả xong bà V đã đưa cho bà L xé bỏ. Vào ngày 06 tháng 01 năm 2022, bà L ghi chốt lại số tiền còn nợ bà V là 900.000.000 đồng,

thỏa thuận trả lãi bằng 10.000.000 đồng/tháng kể từ ngày chốt tiền vay. Còn tiền lãi nợ trước đó bà V không tính, chỉ tính tiền lãi từ ngày chốt số tiền nợ. Thời hạn vay không xác định thời hạn. Mục đích vay để phục vụ cho việc làm ăn của bà L.

Sau khi viết biên nhận bà L có đóng lãi cho bà V được 02 lần vào cuối năm 2022 được 10.000.000 đồng và cuối năm 2023 được 5.000.000 đồng rồi không trả nữa. Sau đó bà V có liên hệ bà L để đòi nhưng bà L hứa hẹn mà không trả. Từ sau tết âm lịch năm 2025 đến nay bà V không còn liên hệ được với bà L nữa.

Nay bà V yêu cầu bà L trả cho bà V số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 06 tháng 01 năm 2022 cho đến khi trả hết nợ cho bà V.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Tuyết V có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về mức lãi suất phát sinh. Bà Nguyễn Thị Tuyết V yêu cầu bà Lâm Thị Thanh L trả tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 06 tháng 01 năm 2022 cho đến khi trả hết nợ

Bà Lâm Thị Thanh L là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lâm Thị Thanh L cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long) đã tiến hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không thành do bị đơn vắng mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tuyết V là nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Lâm Thị Thanh L là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Các đương sự không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ và không đề nghị triệu tập thêm đương sự, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật cũng như quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lâm Thị Thanh L trả số tiền vay 900.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Tuyết V và lãi suất theo quy định của pháp luật nhưng được trừ đi số tiền lãi đã trả 15.000.000 đồng.

Về án phí và chi phí tố tụng dân sự: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú tại Số A L, Khóm D, Phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là Số A L, Khóm A, phường T, tỉnh Vĩnh Long). Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Tuyết V là nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Lâm Thị Thanh L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về mặt nội dung: Bà Nguyễn Thị Tuyết V khởi kiện yêu cầu bà Lâm Thị Thanh L trả số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Bà V có nộp kèm bản gốc giấy mượn tiền đề ngày 06 tháng 01 năm 2022 có chữ ký và ghi họ tên Lâm Thị Thanh L. Do biên nhận này không có công chứng, chứng thực, không có người làm chứng; trong quá trình giải quyết vụ án bà L cũng không có ý kiến trình bày nên Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định tại Phòng K - Công an tỉnh V đối với chữ ký tên và ghi họ tên “Lâm Thị Thanh L” tại Giấy mượn tiền đề ngày 06 tháng 01 năm 2022 với chữ ký và ghi họ tên “Lâm Thị Thanh L” tại F giao kế hoạch tháng 03/2022 - Phòng DVKH ngày 04 tháng 3 năm 2022; File giao kế hoạch tháng 02/2022 - Phòng DVKH ngày 28 tháng 01 năm 2022; File giao kế hoạch tháng 01/2022 - Phòng DVKH ngày 04 tháng 01 năm 2022; File giao kế hoạch tháng 12/2021 - Phòng DVKH ngày 01 tháng 12 năm 2021; File giao kế hoạch tháng 11/2021 - Phòng DVKH ngày 01 tháng 11 năm 2021 (các tài liệu được Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh T là nơi bà Lâm Thị Thanh L từng làm việc cung cấp); Đơn yêu cầu sớm giải quyết ngày 06 tháng 12 năm 2021; Biên bản tổng đạt ngày 07 tháng 12 năm 2021; Bản tự khai ngày 08 tháng 12 năm 2021; Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2021; Biên bản tổng đạt văn bản tố tụng ngày 08 tháng 12 năm 2021 (các tài liệu được Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh là nơi giải quyết vụ án ly hôn của bà Lâm Thị Thanh L cung cấp) có phải của cùng một người ký ra hay không. Kết quả giám định của Phòng K - Công an tỉnh V thể hiện chữ ký tên và ghi họ tên “Lâm Thị Thanh L” tại Giấy mượn tiền đề ngày 06 tháng 01 năm 2022 với chữ ký và ghi họ tên “Lâm Thị Thanh L” tại các mẫu so sánh là do cùng một người ký ra. Như vậy có cơ sở xác định việc bà Lâm Thị Thanh L có vay và còn nợ bà Nguyễn Thị Tuyết V số tiền 900.000.000 đồng là có thật.

[3] Đối với bà Lâm Thị Thanh L qua xác minh có đăng ký thường trú tại địa chỉ ghi trong giấy mượn tiền là Số A L, Khóm D, Phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là Số A L, Khóm A, phường T, tỉnh Vĩnh Long). Tuy nhiên bà L hiện

không còn cư trú tại địa chỉ này. Bà V hiện cũng không biết bà L cư trú tại đâu. Xét thấy việc bà L vay tiền của bà V nhưng sau đó thay đổi nơi cư nhưng không thông báo cho bà V biết là cố tình giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà V nên Tòa án đã niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án cho bà L nhưng bà L không đến Tòa án theo yêu cầu của Tòa án và cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ nên xem như không có ý kiến gì phản đối yêu cầu khởi kiện của bà V. Do bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà V yêu cầu bà L trả số tiền nợ gốc 900.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Tuyết V yêu cầu bà Lâm Thị Thanh L trả lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 06 tháng 01 năm 2022 cho đến khi trả hết nợ. Theo nội dung giấy mượn tiền ngày 06 tháng 01 năm 2022 thì bà V có ghi “kể từ thời điểm này mỗi tháng gửi tiền lãi 10.000.000 đồng”. Số tiền vay theo giấy mượn tiền là 9.000.000.000 đồng. Như vậy tiền lãi thỏa thuận là 1,11%/tháng nên bà V khởi kiện yêu cầu tính tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng là không đúng với thỏa thuận. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà V có thay đổi yêu cầu về tiền lãi, chỉ yêu cầu tính tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng (10%/năm). Xét thấy việc thay đổi yêu cầu này của bà V là tự nguyện và nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 nên có cơ sở để chấp nhận.

[5] Như vậy, tiền lãi bà Lâm Thị Thanh L phải trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết V tính từ ngày 06 tháng 01 năm 2022 đến ngày xét xử (ngày 16 tháng 9 năm 2025) là:

$$900.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 44 \text{ tháng} 10 \text{ ngày} = 331.170.000 \text{ đồng}.$$

Trừ đi số tiền lãi 15.000.000 đồng bà Lâm Thị Thanh L đã trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết V. Số tiền lãi còn lại bà Lâm Thị Thanh L phải trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết V là 316.170.000 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi bà Lâm Thị Thanh L phải trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết V là:

$$900.000.000 \text{ đồng} + 316.170.000 \text{ đồng} = 1.216.170.000 \text{ đồng}.$$

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Bà Lâm Thị Thanh L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 48.485.100 đồng.

[7] Về chi phí tố tụng: Buộc bà Lâm Thị Thanh L phải chịu toàn bộ chi phí giám định với số tiền là 3.240.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Tuyết V đã nộp tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng tại Tòa án nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long. Tòa án đã chỉ

3.240.000 đồng cho việc giám định. Còn lại số tiền 1.760.000 đồng được hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết V. Bà Lâm Thị Thanh L có nghĩa vụ nộp số tiền 3.240.000 đồng tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền để trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết V.

[8] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Căn cứ vào Điều 357; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 5; Điều 6; Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết V. Buộc bà Lâm Thị Thanh L trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết V số tiền 1.216.170.000 đồng (bao gồm tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng, nợ lãi là 316.170.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bà Lâm Thị Thanh L phải chịu 48.485.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết V số tiền 28.239.900 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0001461 ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Vĩnh Long).

Về chi phí tố tụng: Buộc bà Lâm Thị Thanh L phải chịu toàn bộ chi phí giám định với số tiền là 3.240.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Tuyết V đã nộp tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng tại Tòa án nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long. Tòa án đã chi 3.240.000 đồng cho việc giám định. Còn lại số tiền 1.760.000 đồng được hoàn trả

lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết V. Bà Lâm Thị Thanh L có nghĩa vụ nộp số tiền 3.240.000 đồng tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền để trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết V

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 10 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 10 - Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Khoa